

HỌC VIỆN QUÂN Y
HỘI ĐỒNG TS SĐH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-HĐTSSĐH

Hà Nội, ngày

tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển bổ sung chuyên khoa cấp I
hệ dân sự năm 2026 đào tạo tại Học viện Quân y

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-BQP ngày 13/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn mối quan hệ công tác của Học viện Quân y;

Căn cứ Quyết định số 1731/QĐ-TSQS ngày 07/7/2026 của Trưởng Ban tuyển sinh Quân sự Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt kết quả tuyển sinh sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội năm 2026;

Căn cứ Quy định số 1513/QyĐ-HVQY ngày 24/5/2022 của Học viện Quân y về công tác tuyển sinh đại học, sau đại học tại Học viện Quân y;

Căn cứ Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I hiện hành của Học viện Quân y;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh sau đại học năm 2026;

Theo đề nghị của đồng chí Ủy viên thường trực Hội đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển bổ sung chuyên khoa cấp I hệ dân sự năm 2026 đào tạo tại Học viện Quân y cho **03** thí sinh (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Đồng chí Trưởng phòng Sau đại học, Hệ 1, các Phòng, Ban nghiệp vụ liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, J9. P30.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC
Trung tướng Trần Việt Tiến

Phụ lục
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG CHUYÊN KHOA CẤP I
HỆ DÂN SỰ THI TUYỂN TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTSSĐH ngày /7/2026 của Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Điểm thi môn cơ sở	Điểm ưu tiên	Điểm thi môn chuyên ngành	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Phạm Minh	Phong	10/4/1998	Hưng Yên	Tai mũi họng	9,000		9,667	18,667	
2	Phạm Thị Quỳnh	Nga	20/10/1986	Thanh Hoá	Tai mũi họng	9,333	1,00	8,556	18,556	
3	Nguyễn Sỹ	Thám	20/02/1989	Ninh Bình	Tai mũi họng	9,111		8,889	18,000	